

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
HƯỚNG CHUYÊN SÂU 1: CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM
HƯỚNG CHUYÊN SÂU 2: MẠNG VÀ HỆ THỐNG THÔNG TIN
HƯỚNG CHUYÊN SÂU 3: KHOA HỌC MÁY TÍNH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TH94095: QUẢN LÝ DỰ ÁN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
(IT PROJECT MANAGEMENT)

I. Thông tin về học phần

- Học kỳ: 5
- Tín chỉ: 3 (**Lý thuyết 2.5 – Thực hành 0.5-Tự học 9**);
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết và làm bài tập trên lớp: 37 tiết
 - + Thực hành: 08 tiết
- Tự học: 135 tiết (theo kế hoạch cá nhân hoặc hướng dẫn của giảng viên)
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Bộ môn Mạng và Hệ thống thông tin.
 - Khoa: Công nghệ thông tin
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☒		Chuyên sâu 1 ☐		Chuyên sâu 2 ☐		Chuyên sâu 3 ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Học phần học song hành:
- Học phần tiên quyết: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà học phần đáp ứng

* Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Kiến thức chung	
Kiến thức chuyên môn	
CĐR2. Phân tích được các vấn đề cơ bản về công nghệ liên quan đến xây dựng và vận hành hệ thống thông tin	2.1. Phân tích được các vấn đề cơ bản về công nghệ liên quan đến xây dựng hệ thống thông tin.
CĐR3. Thiết kế một trong các thành phần của hệ thống thông tin	3.1. Thiết kế phần mềm và đánh giá chất lượng

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
tin	phần mềm (áp dụng với hướng chuyên sâu Công nghệ phần mềm).
Kỹ năng chung	
CDR4. Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong lĩnh vực Công nghệ thông tin	4.1. Ứng xử phù hợp với các bên có liên quan trong môi trường làm việc chuyên nghiệp đa văn hóa, đa ngôn ngữ.
CDR5. Vận dụng kỹ năng tư duy logic, kỹ năng phân biện và kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm vào giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Công nghệ thông tin	5.1. Vận dụng kỹ năng tư duy logic, kỹ năng phân biện để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Công nghệ thông tin.
Kỹ năng chuyên ngành	
CDR6. Kết hợp các kỹ năng cơ bản để xây dựng và vận hành hệ thống thông tin.	6.1. Kết hợp các kỹ năng cơ bản để xây dựng hệ thống thông tin.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR9	9.2. Có trách nhiệm đối với cá nhân và tập thể.

III. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

* Mục tiêu:

- Về kiến thức:

Học phần trang bị cho người học kiến thức về dự án, quản lý dự án và quy trình quản lý dự án CNTT. Học phần giúp người học vận dụng được quy trình quản lý dự án, phân tích đánh giá, kiểm soát rủi ro dự án, quản lý chi phí dự án, kỹ năng quản lý Stakeholder dự án trong các dự án CNTT. Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về luật Đấu thầu và luật CNTT của nước CHXHCN Việt Nam để người học vận dụng trong việc tổ chức hoặc tham gia đấu thầu các dự án CNTT.

- Về kỹ năng:

- Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lãnh đạo, tổ chức, quản lý dự án trong lĩnh vực công nghệ thông tin.
- Học phần trang bị và rèn luyện cho người học các kỹ năng chuyên ngành về quản lý dự án CNTT

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học phần hình thành cho người học năng lực tự học, tự nghiên cứu tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao tư duy, trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu công việc.

* Kết quả học tập mong đợi của học phần:

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau: *I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)*

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho chỉ báo CDR của CTĐT
-------	--------	---

		2.1	3.1	4.1	5.1	6.1	9.2
TH94095	QLDA CNTT	R	P	R	R	R	P

Ký hiệu	KQHTMĐ của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được:	Chỉ báo CDR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Vận dụng quy trình quản lý dự án CNTT, công cụ quản lý tiến độ dự án như là Gantt Chart, PERT Chart và MS Project, quy trình phân tích đánh giá, quản lý rủi ro, quản lý chi phí dự án CNTT trong thực tế.	2.1. Phân tích được các vấn đề cơ bản về công nghệ liên quan đến xây dựng hệ thống thông tin.
K2	Mô tả, tóm tắt được quy trình thiết kế và đánh giá chất lượng phần mềm trong tiến trình quản lý dự án CNTT	3.1. Thiết kế phần mềm và đánh giá chất lượng phần mềm (áp dụng với hướng chuyên sâu Công nghệ phần mềm).
K3	Trình bày một số vấn đề kỹ thuật trong việc tổ chức và tham gia đấu thầu các dự án CNTT, trên cơ sở Luật đấu thầu và Luật CNTT của nước CHXHCN VN.	2.1. Phân tích được các vấn đề cơ bản về công nghệ liên quan đến xây dựng hệ thống thông tin.
Kỹ năng		
K4	Vận dụng kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng kiểm soát thời gian, bản thân, kỹ năng lãnh đạo trong tiến trình quản lý dự án CNTT trong môi trường đa văn hoá, đa ngôn ngữ.	4.1. Ứng xử phù hợp với các bên có liên quan trong môi trường làm việc chuyên nghiệp đa văn hóa, đa ngôn ngữ.
K5	Vận dụng kỹ năng tư duy logic, tư duy phản biện, kỹ năng phát triển nhóm dự án giải quyết các vấn đề chuyên môn trong quá trình quản lý dự án CNTT.	5.1. Vận dụng kỹ năng tư duy logic, kỹ năng phản biện để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Công nghệ thông tin.
K6	Vận dụng kết hợp được các kỹ năng cơ bản, kỹ năng chuyên ngành để phân tích đánh giá, xây dựng các hệ thống thông tin trong quá trình quản lý dự án CNTT.	6.1. Kết hợp các kỹ năng cơ bản để xây dựng hệ thống thông tin.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K7	Có trách nhiệm trong quá trình học tập đối với cá nhân và tập thể.	9.2. Có trách nhiệm đối với cá nhân và tập thể.

IV. Nội dung tóm tắt của học phần

TH94095. Quản lý dự án Công nghệ thông tin. (3TC: 2.5 – 0.5 – 9). Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần gồm 6 chương với nội dung: Các khái niệm cơ bản về dự án và quản lý dự án; Các giai đoạn của quá trình quản lý dự án CNTT; Quản lý nguồn lực và chi phí dự án; Quản trị rủi ro trong các dự án CNTT; Quản lý Stakeholder dự án. Hoạt động đấu thầu trong các dự án CNTT.

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng
- Học tập, thảo luận theo nhóm
- Học tập dựa trên vấn đề
- Học tập thông qua thực hành

2. Phương pháp học tập

- Nghe giảng
- Làm bài tập
- Thảo luận nhóm, làm đồ án theo nhóm
- Hỏi đáp

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Theo Quy định chung của Học viện.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc tài liệu tham khảo trước khi đến lớp.
- Bài tập: Sinh viên tham dự học phần này phải hoàn thành ít nhất 70% lượng bài tập được giao.
- Kiểm tra giữa kì: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia thi giữa kỳ.
- Thi cuối kì: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia thi cuối kỳ.

VII. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1. Kế hoạch đánh giá và trọng số

Hoạt động đánh giá	KQHTMD được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Đánh giá quá trình		50	
Tham dự lớp	K7	10	15 tuần
Đánh giá bài tập thực hành	K1, K4, K7	10	Thực hành sau khi học xong lý thuyết
Bài tập lớn theo nhóm (Đồ án môn học)	K1, K2, K4, K5	30	Tuần 8-10
Đánh giá cuối kì		50	
Đánh giá cuối kỳ	K1, K3, K5, K6	50	Thực hiện sau khi kết thúc học phần

*Bảng 2. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần
(Chỉ dùng cho đánh giá thi cuối kì theo hình thức tự luận)*

KQHTMD	Chỉ báo thực hiện KQHTMD
	Chỉ báo 1: Vận dụng quy trình chung quản lý dự án, quản lý dự án CNTT.

K1	Chỉ báo 2: Vận dụng quy trình quản lý nguồn lực và chi phí dự án, quy trình phân tích và quản lý rủi ro dự án CNTT.
	Chỉ báo 3: Vận dụng quy trình quản lý stakeholder dự án.
K3	Chỉ báo 5: Trình bày một số vấn đề kỹ thuật trong việc tổ chức và tham gia đấu thầu các dự án CNTT.
K5	Chỉ báo 7: Vận dụng kỹ năng tư duy logic, tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập, kỹ năng phát triển nhóm dự án để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong quá trình quản lý dự án.
K6	Chỉ báo 8: Vận dụng được quy trình quản lý dự án trong quá trình quản lý dự án CNTT
K6	Chỉ báo 9: Vận dụng được kỹ năng nhận diện, phân tích và đánh giá rủi ro, chi phí trong quá trình quản lý dự án CNTT.
K6	Chỉ báo 10: Vận dụng kết hợp các kỹ năng cơ bản, kỹ năng chuyên ngành trong việc phân tích đánh giá, xây dựng hệ thống thông tin trong quá trình quản lý dự án CNTT.

Rubric 1: Tham dự lớp

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý và có tham gia các hoạt động	Có chú ý, ít tham gia các hoạt động	Không chú ý và không tham gia
Thời gian tham dự	50	Mỗi buổi học được tính 10/n điểm (n là tổng số buổi học) và không được vắng quá 20% số buổi học			

Rubric 2: Đánh giá bài tập thực hành

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham dự	20	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Không tham gia thảo luận và chia sẻ

Kết quả thực hành	40	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành khá đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành không đầy đủ/ Không đáp ứng yêu cầu
	30	Giải thích và chứng minh rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh	Giải thích và chứng minh không rõ ràng
Báo cáo thực hành	10	Đúng format và đúng hạn	Điểm tùy theo mức độ đáp ứng		

Rubric 3: Bài tập lớn theo nhóm (Đồ án môn học)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Nội dung	50	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
Trình bày báo cáo	10	Mạch lạc, rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Thiếu rõ ràng
	20	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận không có căn cứ khoa học và logic
Tương tác với người nghe	10	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ	Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác
	10	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số các câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số các câu hỏi đặt đúng, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời sai đa số các câu hỏi đặt đúng

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Tham dự các bài thi: Không tham gia bài tập lớn (theo nhóm) sẽ nhận 0 điểm. Không tham gia bài thi viết sẽ nhận 0 điểm. Trong trường hợp có lý do chính đáng sẽ được giảng viên bố trí cho kiểm tra/làm bài tập lớn bù (**trừ thi kết thúc học phần**).

Yêu cầu về đạo đức: Sinh viên có thái độ học tập nghiêm túc.

VIII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

*** Sách giáo trình/Bài giảng:**

- PMI (Project Management Institute, USA), “*A Guide to the Project Management Body of Knowledge*”, Seventh Edition (2021), PMI(USA).
- Bài giảng của giảng viên.

*** Tài liệu tham khảo khác:**

- Bart Jutte, “*10 Golden Rules of Project Risk Management*”. Project Smart co.uk. (2010)
- Jeffrey L. Brewer, “*Methods of IT Project Management*”, Fourth Edition (2022), Purdue University Press.
- Joseph Heagney, “*Fundamentals of Project Management*”, Sixth Edition (2022), HarperCollins Leadership.
- Luật Đấu thầu 43/2013/QH13, Quốc hội nước CHXHCNVN (2013)
- Luật Công nghệ Thông tin, Quốc hội nước CHXHCNVN.

IX. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
	Chương 1. Tổng quan về dự án và quản lý dự án	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)	K1
	1.1 Tổng quan về dự án.	
	1.1.1 Khái niệm dự án	
	1.1.2 Các đặc điểm của dự án	
	1.1.3 Các giai đoạn của dự án	
1	1.2 Tổng quan về quản lý dự án.	
	1.2.1 Khái niệm quản lý dự án	
	1.2.2 Mục tiêu tầm quan trọng của quản lý dự án	
	1.2.3 Các giai đoạn của quản lý dự án	
	1.3 Dự án và quản lý dự án CNTT	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)	K1, K7
	Đọc bài giảng chương 1.	
	Chương 2. Các giai đoạn của quy trình quản lý dự án CNTT	
2-3	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (8 tiết)	K1, K2, K4
	2.1 Xác định dự án (<i>Initiating</i>)	
	2.2 Lập kế hoạch dự án (<i>Planning</i>).	
	2.3 Triển khai dự án (<i>Executing</i>).	
	2.4 Giám sát và đánh giá dự án (<i>Monitoring & Control</i>).	
	2.5 Kết thúc dự án (<i>Closing</i>)	
	Thực hành: Hướng dẫn lập quy trình quản lý dự án (3 tiết)	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (33 tiết)	K1, K2, K4, K7
	Đọc bài giảng và làm bài tập chương 2	

4-5	Chương 3. Quản lý nguồn lực và chi phí dự án	
	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (8 tiết) 3.1 Tầm quan trọng của quản lý nguồn lực và chi phí dự án 3.2 Giám đốc dự án CNTT 3.2.1 Giám đốc dự án là ai? 3.2.2 Trách nhiệm của giám đốc dự án là gì? 3.2.3 Các kỹ năng cần thiết đối với giám đốc dự án 3.3 Nhóm dự án và phát triển nhóm dự án. 3.3.1 Nhóm dự án là gì? 3.3.2 Quá trình hình thành và phát triển nhóm dự án 3.4 Quản lý thời gian dự án 3.4.1 Quản lý thời gian dự án là gì? 3.4.2 Tầm quan trọng của quản lý thời gian dự án 3.4.3 Các phương pháp hỗ trợ quản lý thời gian dự án 3.5 Quản lý chi phí dự án Thực hành: Quản lý dự án (5 tiết)	K1, K4, K5
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (39 tiết) Đọc bài giảng và làm bài tập chương 4.	K1, K4, K5, K7
6	Chương 4. Quản lý rủi ro dự án CNTT.	
	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (8 tiết) 4.1 Khái niệm rủi ro 4.2 Quản lý rủi ro dự án là gì? 4.3 Tầm quan trọng của quản lý rủi ro dự án 4.4 Quy trình quản lý rủi ro dự án 4.4.1 Xác định rủi ro 4.4.2 Phân tích và đánh giá rủi ro dự án 4.4.3 Ứng phó và kiểm soát rủi ro dự án Báo cáo bài tập lớn (theo nhóm) (2 tiết)	K1, K4, K5, K6
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (30 tiết) Đọc bài giảng và làm bài tập chương 4	K1, K4, K5, K6, K7
	Chương 5. Quản lý Stakeholder dự án.	
7	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) 5.1. Stakeholder dự án là ai? 5.2. Tầm quan trọng của quản lý Stakeholder dự án 5.3. Quy trình quản lý Stakeholder dự án 5.3.1 Xác định stakeholder dự án 5.3.2 Lên kế hoạch cho stakeholder tham gia dự án 5.3.3 Quản lý giám sát sự tham gia của stakeholder	K1, K4, K5
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) Đọc bài giảng và làm bài tập chương 5	K1, K4, K5, K7
	Chương 6. Đấu thầu dự án CNTT	
8-9	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (5 tiết) 6.1 Khái niệm mời thầu và đấu thầu dự án CNTT. 6.1.1 Các khái niệm về hoạt động đấu thầu 6.1.2 Các loại gói thầu và nhà thầu 6.1.3 Điều kiện tổ chức và tham gia đấu thầu 6.2 Các hình thức đấu thầu dự án CNTT. 6.2.1 Các hình thức lựa chọn nhà thầu	K3, K4

6.2.2 Các quy định chung về đấu thầu 6.2.3 Các hành vi bị cấm trong hoạt động đấu thầu 6.2.4 Xét duyệt trúng thầu và huỷ thầu 6.3 Hợp đồng với nhà thầu 6.4 Giới thiệu luật Đấu thầu và Luật CNTT nước CHXHCN Việt nam.	
B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 tiết) Đọc bài giảng và làm bài tập chương 6	K3, K4, K7

X. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học: đủ chỗ ngồi (lớp học lý thuyết không quá 60 sinh viên), đủ ánh sáng
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: có máy chiếu, microphone
- Các phương tiện khác: bảng viết phấn, phấn, khăn lau bảng
- E-learning: Hệ thống học tập trực tuyến cần đảm bảo hạ tầng mạng, máy chủ.

P. TRƯỞNG BỘ MÔN
(Kí và ghi rõ họ tên)

[Signature]
Nguyễn Thị Thảo

Hà Nội, ngày 1 tháng 07 năm 2024
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Kí và ghi rõ họ tên)

[Signature]
Nguyễn Hữu Hải

KT. TRƯỞNG KHOA
(Kí và ghi rõ họ tên)

[Signature]
Ngô Công Chấn



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA
GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Hữu Hải	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ:
Email: nhhai@vnua.edu.vn	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/fita/nhhai/
Cách liên lạc với giảng viên: qua email	

Giảng viên giảng dạy

Họ và tên: Nguyễn Hữu Hải	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ:
Email: nhhai@vnua.edu.vn	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/fita/nhhai/
Cách liên lạc với giảng viên: qua email	

Họ và tên: Nguyễn Xuân Thảo	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ:
Email: nxthao@vnua.edu.vn	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/fita/nxthao/
Cách liên lạc với giảng viên: qua email	

X. Các lần cải tiến (đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện):

- Lần 1: 7/2020: Bổ sung phương pháp giảng dạy và học tập, nhiệm vụ của sinh viên, phương pháp đánh giá để phù hợp với việc triển khai dạy và học theo hình thức trực tuyến khi có dịch Covid-19.
- Lần 2: 07/2021: Rà soát và cập nhật nội dung kiến thức học phần, rà soát tài liệu tham khảo
- Lần 3: 07/2022: Rà soát và cập nhật tài liệu tham khảo
- Lần 4: 07/2023:
 - ✓ Đổi tên và mã học phần (Trước đây là Thiết kế và Quản lý dự án CNTT).
 - ✓ Rà soát và cập nhật mức đóng góp của học phần theo Chuẩn đầu ra và ma trận IPRM mới.
 - ✓ Rà soát và cập nhật tài liệu tham khảo.
 - ✓ Rà soát và cập nhật nội dung học phần, bài giảng theo tài liệu mới.
- Lần 5: 07/2024
 - ✓ Đổi mã học phần, tăng số tín chỉ học phần
 - ✓ Rà soát và cập nhật mức đóng góp của học phần theo Chuẩn đầu ra và ma trận IPRM mới.

